TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 11/2019/DS - ST
Ngày 30/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân*:*
Ông Lê Đức Cường
Ông Lê Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc
Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109 Trần Hưng Đ, phường N, quận K - TP. Hà Nội.
Người được ủy quyền: Ông Lê Tiến D - Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Thanh Hóa. Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017.
Người được ủy quyền lại:
- Bà Lê Thị H - Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động (có mặt). Theo Quyết định ủy quyền số 76/2019/QĐ-LienVietPostBank-CNTH ngày 30/7/2019.
Địa chỉ: Số 33 P, phường B1, thành phố Thanh Hóa.
2. Bị đơn*:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H1, xã G, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban chỉ huy quân sự huyện C1
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu T - Chỉ huy trưởng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 12/4/2019 và quá trình giải quyết, xét xử, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/11/2016 anh Nguyễn Văn C đã ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/1511.16/04/421 với ngân hàng B - Chi nhánh Thanh Hóa vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn), phương thức vay từng lần, mục đích vay vốn sửa nhà, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 12%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng. Tại thời điểm khởi kiện anh C đã trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 66.130.000đ (Sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi đồng chẵn). Từ đó đến nay anh C không trả cho Ngân hàng thêm khoản nào. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh C thường xuyên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các khoản 4.1 và 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 01/1511.16/04/421 ngày 15/11/2016. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, theo khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 01/1511.16/04/421, Ngân hàng TMCP B có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi toàn bộ vốn vay trước hạn.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh Nguyễn Văn C thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 30/9/2019 là 94.548.603đ, trong đó nợ gốc 73.870.000đ, lãi trong hạn 16.212.933đ, lãi quá hạn 4.465.671đ.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án số 15/2019/TB-TLVA ngày 02/5/2019 và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh C không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã giao các văn bản trên cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D1 (bố, mẹ đẻ anh C), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã G, huyện C1. Ông C1, bà D1 cam kết sẽ thông báo ngay cho anh C. Anh C biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng trong thời hạn luật định anh không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông C1, bà D1 ở thôn H1, xã G, huyện C1. Ông C1, bà D1 cho biết: Anh C đang làm ăn trong Nam, địa chỉ cụ thể ông bà không biết. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông báo ngay cho anh C biết. Anh C đã trao đổi lại với ông bà như sau: Anh thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Thanh Hóa như trong hợp đồng tín dụng nhưng do điều kiện khó khăn anh chưa có để trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh trả nợ, anh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng anh.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông C1 buộc anh C phải thanh toán đầy đủ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP B.

Tại phiên tòa đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì,

nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 BLTTDS. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh C không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa, không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 BLDS; Điều 147, Điều 228 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng**:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Anh C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 94.548.603đ. Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện Nông Cống triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xác định đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Giao dịch dân sự do các bên xác lập tháng 11/2016, vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2019 là 94.548.603đ, trong đó nợ gốc 73.870.000đ, lãi trong hạn 16.212.933đ, lãi quá hạn 4.465.671đ. HĐXX xét thấy ngày 15/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Thanh Hóa và anh Nguyễn Văn C đã ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/1511.16/04/421 và Ngân hàng đã cho anh C vay 140.000.000đ, phương thức vay từng lần, mục đích vay sửa nhà, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 12%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn, lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng. Như vậy, hợp đồng vay vốn trên thuộc dạng hợp đồng vay tài sản và đã được ký kết theo quy định của BLDS và Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Anh C cũng đồng ý trả nợ nhưng do điều kiện khó khăn nên anh chưa có để trả cho Ngân Ngân hàng.

Từ nhận định trên HĐXX thấy rằng Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh C phải thanh toán số tiền tính đến ngày 30/9/2019 là 94.548.603đ, trong đó nợ gốc 73.870.000đ, lãi trong hạn 16.212.933đ, lãi quá hạn 4.465.671đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh C không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

2. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Thanh Hóa. Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Thanh Hóa số tiền là 94.548.603đ; trong đó nợ gốc 73.870.000đ, lãi trong hạn 16.212.933đ, lãi quá hạn 4.465.671đ.

Kể từ ngày 01/10/2019 ngày Ngân hàng TMCP B chốt số nợ, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/1511.16/04/421 ngày 15/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp 4.727.430đ tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 2.118.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0001926 ngày 22/4/2019.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình